

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi, ông Lê Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 09/4/2024, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Viết tắt: Công ty J).

Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nguyên H, sinh năm 1984;

Cư trú: Số A, Khu F, Ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 09/7/2024).

- Bị đơn: Anh Ngô Chí D, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số G, tổ A, ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2022 anh Ngô Chí D ký hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 với JIVF vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng.

Số tiền vay: 20,000,000 (Hai mươi triệu) đồng. Lãi suất: 4.3500%/tháng. Thời hạn vay: 24 tháng. Thực hiện hợp đồng JIVF đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và Anh D1 đã nhận tài sản.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì anh D1 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí quản lý khoản vay trong vòng 24 tháng, mỗi tháng anh D1 phải thanh toán cho JIVF số tiền là 1,371,161 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 30/11/2022.

Từ ngày 19/11/2022 đến ngày 11/10/2023 Anh D1 thanh toán cho JIVF được số tiền là 15,089,384 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 6,727,873 đồng; Lãi: 8,222,898 đồng; Lãi quá hạn: 6,613 đồng; Phí quản lý khoản vay: 132,000 đồng).

Tuy nhiên, từ sau ngày 11/10/2023 đến nay, Anh D1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho JIVF và cố tình lẩn tránh.

Vì vậy, việc Anh D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF.

Đề nghị Tòa án buộc anh Ngô Chí D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF, tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/9/2024 là 23.057.186 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 13.272.127 đồng; Lãi: 6.784.374 đồng; Lãi quá hạn: 2.856.685 đồng; Phí quản lý khoản vay: 144.000 đồng).

Anh Ngô Chí D tiếp tục phải thanh toán cho JIVF tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 19/08/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022.

Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh Ngô Chí D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đã được triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có đơn xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T JACCS. Cụ thể:

- Buộc anh Ngô Chí D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T (Viết tắt: Công ty J) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/9/2024 là 23.057.186 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 13.272.127 đồng; Lãi: 6.784.374 đồng; Lãi quá hạn: 2.856.685 đồng; Phí quản lý khoản vay: 144.000 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Về án phí: Anh Ngô Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, anh D có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Công ty J khởi kiện anh D trên cơ sở Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và xác định Công ty J là nguyên đơn, anh D là bị đơn.

[1.3]. Anh Dũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

[1.4]. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của Hợp đồng tín dụng giữa Công ty J và anh D (Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022):

Công ty J là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 30/10/2022, anh D đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng từ đó thể

hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng 943460003317100000 ngày 30/10/2022 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022, bảng kê tính lãi có cơ sở xác định Công ty J đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho anh D vay số tiền 20.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 23/9/2024 anh D còn nợ Công ty J số tiền nợ gốc là 13.272.127 đồng.

Do anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty J đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty J yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022 với số tiền 13.272.127 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Công ty J yêu cầu anh D thanh toán được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Do đó, yêu cầu của Công ty J về việc anh D có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn, phí quản lý khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2024) là 9.785.059 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Công ty J về việc yêu cầu anh D tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 943460003317100000 ngày 30/10/2022 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Xét anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty J. Vì vậy, Công ty J yêu cầu Tòa án buộc anh D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải

chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 184, Điều 196; Điều 208; Điều 220; Điều 227, Điều 228, Điều 233; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Điều 7, Điều 8, Điều 10 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Viết tắt: Công ty J).

Buộc anh Ngô Chí D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T JACCS tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 23/9/2024 là 23.057.186 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 13.272.127 đồng; Lãi: 6.784.374 đồng; Lãi quá hạn: 2.856.685 đồng; Phí quản lý khoản vay: 144.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Anh Ngô Chí D phải chịu là 1.152.859 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0013049 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Công ty J có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn